

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 10 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn giữa bà T và
ông S.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh

Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phan Tấn S, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S sống chung với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung cuộc sống giữa bà và ông S hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng làm ăn thất bại nên thường xuyên cãi vã. Bà và ông S không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông S.

Về con chung: Trong thời gian sống chung bà và ông S có một người con chung tên: Phan Tấn V, sinh ngày 03/11/1996, hiện nay đã thành niên, bà không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 4 năm 2021, ông Phan Tấn S là bị đơn trình bày:

Thời gian sống chung đúng như lời bà T trình bày, ông và bà T sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà T chung sống với người đàn ông khác khoảng 06 tháng nay. Nay ông không đồng ý ly hôn vì muốn con có cha có mẹ đầy đủ.

Về con chung: Đúng như bà T trình bày. Hiện nay con chung đã thành niên, ông không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc T khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Phan Tấn S. Ông S cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Phan Tấn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, bà T và ông S sống chung với nhau từ năm 1995. Từ khi sống chung cho đến nay, bà T và ông S không đăng ký kết hôn, có

xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Tâm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Bà T yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông S là có căn cứ theo quy định tại Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà T và ông S có một người con chung tên: Phan Tấn V, sinh ngày 03/11/1996, hiện nay đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Phan Tấn S.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000927 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Tầm Vu,
huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hải Huỳnh Thị Ngọc Hương

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Tầm Vu,
huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hải Huỳnh Thị Ngọc Hương

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

